

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH LONG  
TỈNH VINH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2021/DS-ST  
Ngày: 20 - 4 - 2021  
V/v Tranh chấp đòi lại tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH LONG - TỈNH VINH LONG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thu Vân

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Phạm Văn Tư

Ông Nguyễn Văn Cường

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Ngọc Trà My - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vinh Long

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh Long tham gia phiên tòa:*** Ông Trần Hoàng Tú - Kiểm sát viên

Trong ngày 20 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vinh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 247/2020/TLST-DS ngày 03/12/2020 về việc “Tranh chấp đòi lại tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2021/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:***

1. Bà Nguyễn Ngọc L1, sinh năm 1969 (vắng mặt)

Hộ khẩu thường trú: số nhà S, Khóm M, Phường T, thành phố V, tỉnh Vinh Long

Nơi cư trú: số nhà C, ấp A, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre

2. Bà Nguyễn Mộng L2, sinh năm 1971 (vắng mặt)

Nơi cư trú: số nhà M, ấp A, xã N, huyện C, tỉnh Đồng Tháp

3. Bà Nguyễn Ngọc D1, sinh năm 1973 (vắng mặt)

Nơi cư trú: số nhà H, ấp A, xã M, huyện T, tỉnh Vinh Long

***Người đại diện hợp pháp của các nguyên đơn:*** Bà Nguyễn Kim H, sinh năm 1964 (có mặt)

Nơi cư trú: số nhà A, Khóm B, Phường C, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (theo văn bản ủy quyền ngày 16/9/2020)

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Ngọc D2, sinh năm 1975 (vắng mặt)

Nơi cư trú: số nhà S, đường N, Khóm M, Phường T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long

*Người đại diện hợp pháp của bị đơn:* Bà Lê Thị T, sinh năm 1979 (có mặt)

Nơi cư trú: số nhà B, ấp T, xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Long (theo văn bản ủy quyền ngày 31/12/2020)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại các đơn khởi kiện đề ngày 21/9/2020, 20/10/2020 và quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Ngọc L1, bà Nguyễn Mộng L2, bà Nguyễn Ngọc D1 trình bày:*

Quan hệ tranh chấp thừa kế tài sản giữa nguyên đơn Nguyễn Ngọc D2 với bị đơn bà Nguyễn Kim H, ông Nguyễn Minh T cùng các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Ngọc L1, Nguyễn Mộng L2, Nguyễn Ngọc D1 và một số người khác được Tòa án nhân dân hai cấp tỉnh Vĩnh Long giải quyết xong bằng Bản án sơ thẩm số 157/2019/DS-ST ngày 11/12/2019, Bản án phúc thẩm số 74/2020/DS-PT ngày 26/5/2020.

Liên quan đến quyền lợi bà L1, bà L2, bà D1 do các đương sự này vắng mặt được Bản án sơ thẩm số 157/2019/DS-ST quyết định: *“Tạm giao phần thừa kế của ông T, bà L1, bà L2 và bà D1 đối với thửa đất số 33 (mỗi người là 27.591.000đ) cho bà D2 quản lý. Ông T, bà L1, bà L2 và bà D1 có quyền thỏa thuận với bà D2 để nhận phần thừa kế được chia đối với thửa đất số 33 nêu trên và nếu không thỏa thuận được có quyền khởi kiện theo quy định của pháp luật”*. Bản án phúc thẩm số 74/2020/DS-PT đã quyết định nội dung liên quan đến quyền lợi bà L1, bà L2, bà D1 như sau: *“Tạm giao phần thừa kế của ông T, bà L1, bà L2 và bà D1 đối với thửa đất số 33 (mỗi người diện tích là 162,3m<sup>2</sup>) cho bà D2 quản lý. Ông T, bà L1, bà L2 và bà D1 có quyền thỏa thuận với bà D2 để nhận phần thừa kế được chia đối với thửa đất số 33 nêu trên và nếu không thỏa thuận được có quyền khởi kiện theo quy định của pháp luật”*.

Bà L1, bà L2, bà D1 không thỏa thuận được với bà D2 về việc yêu cầu bà D2 giao mỗi người nhận số tiền 27.591.000đ là giá trị phần thừa kế quyền sử dụng đất các nguyên đơn được chia tại thửa đất 33, tờ bản đồ số 7, địa chỉ: khóm M, phường T, thành phố V. Bà L1, bà L2, bà D1 khởi kiện yêu cầu bà D2 giao các nguyên đơn mỗi người nhận số tiền 27.591.000đ, không yêu cầu nhận hiện vật 162,3m<sup>2</sup> tại thửa 33, số tiền này là giá trị phần thừa kế quyền sử dụng đất các nguyên đơn được chia tại thửa đất 33. Các nguyên đơn đồng ý kết quả định giá của cấp xét xử sơ thẩm tại Bản án số 157/2019/DS-ST và cấp phúc thẩm tại bản

án số 74/2020/DS-PT đơn giá đất 170.000đ/m<sup>2</sup>, mỗi người thừa kế được nhận phần đất 162,3m<sup>2</sup> tại thửa đất 33 tương đương số tiền 27.591.000đ; không yêu cầu định giá lại.

*Tại Biên bản hòa giải ngày 04/01/2021 và quá trình giải quyết vụ án, bà Lê Thị T là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:*

Bị đơn không đồng ý yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn với lý do bị đơn không đồng ý kết quả giải quyết sơ thẩm, phúc thẩm tại các Bản án số 157/2019/DS-ST, Bản án số 74/2020/DS-PT của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long. Bà D2 sẽ làm đơn khiếu nại theo thủ tục giám đốc thẩm hai bản án nêu trên. Đối với đơn giá đất tại thửa đất 33 mà Hội đồng định giá đã định thể hiện tại Bản án số 157/2019/DS-ST, Bản án số 74/2020/DS-PT, bị đơn đồng ý đơn giá đất 170.000đ/m<sup>2</sup>, không yêu cầu định giá lại.

*Tại phiên tòa sơ thẩm:* Nguyên đơn, bị đơn giữ nguyên ý kiến đã trình bày, không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long phát biểu ý kiến:*

Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đều tuân theo đúng quy định pháp luật tố tụng; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự đều thực hiện đúng quy định pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 166, 168 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L1, bà L1, bà D1. Buộc bà D2 trả bà L1, bà L2, bà D1 mỗi người số tiền 27.591.000đ. Công nhận bà D2 được quyền kê khai, đăng ký, đứng tên quyền sử dụng đất diện tích 486,9m<sup>2</sup> (162,3m<sup>2</sup> x 3 người) thuộc thửa đất 33, tờ bản đồ số 7, loại đất lúa, địa chỉ: khóm M, phường T, thành phố V (theo Trích đo Bản đồ địa chính khu đất ngày 10/12/2019 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố V). Buộc bà D2 nộp án phí dân sự sơ thẩm là 4.138.500đ.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà L1, bà L2, bà D1 khởi kiện bà D2 tranh chấp đòi lại tài sản vì cho rằng có quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm là có quyền khởi kiện. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại thành phố V nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long. Vì vậy, thủ tục tố tụng trong vụ án đảm bảo quy định tại các Điều 26, 35, 39, 186 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Bản án phúc thẩm số 74/2020/DS-PT ngày 26/5/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long đã có hiệu lực pháp luật được thi hành theo quy định tại Điều 482 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nội dung phần quyết định của bản án đã nêu rõ: “*Tạm giao phần thừa kế của ông T, bà L1, bà L2 và bà D1 đối với thửa đất số 33 (mỗi người diện tích là  $162,3m^2$ ) cho bà D2 quản lý. Ông T, bà L1, bà L2 và bà D1 có quyền thỏa thuận với bà D2 để nhận phần thừa kế được chia đối với thửa đất số 33 nêu trên và nếu không thỏa thuận được có quyền khởi kiện theo quy định của pháp luật*”. Bà L1, bà L2, bà D1 đã không thỏa thuận được với bà D2 nên đã thực hiện quyền khởi kiện tại Tòa án là đúng quy định pháp luật. Quá trình tiến hành tố tụng, bà T là người đại diện theo ủy quyền của bà D2 đã không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà L1, bà L2, bà D1 nên các bên tiếp tục không thỏa thuận được.

Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì những tình tiết, sự kiện đã được xác định trong bản án của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh. Bản án phúc thẩm số 74/2020/DS-PT có hiệu lực pháp luật đã quyết định tình tiết, sự kiện liên quan đến quyền lợi hợp pháp của bà L1, bà L2, bà D1 về quyền sử dụng đất với phần đất diện tích  $162,3m^2$ /người tại thửa đất 33 nên yêu cầu khởi kiện của bà L1, bà L2, bà D1 là có căn cứ để được chấp nhận.

[3] Bản án phúc thẩm số 74/2020/DS-PT đã tạm giao bà D2 quản lý phần thừa kế của bà L1, bà L2, bà D1 đối với thửa đất số 33 bằng hiện vật mỗi người diện tích là  $162,3m^2$ . Tại phiên tòa sơ thẩm, bà H là người đại diện theo ủy quyền của bà L1, bà L2, bà D1 đồng ý không nhận hiện vật mà nhận bằng giá trị với đơn giá đất  $170.000đ/m^2$  như kết quả định giá được giải quyết tại hai Bản án sơ thẩm số 157/2019/DS-ST, Bản án phúc thẩm số 74/2020/DS-PT, thành tiền là  $27.591.000đ$ /người; đồng ý bà D2 được quyền sử dụng, kê khai, đăng ký phần đất diện tích  $162,3m^2$ /người x 3 người =  $486,9m^2$  tại thửa đất 33, tờ bản đồ số 7, địa chỉ: khóm M, phường T, thành phố V.

Xét thấy, yêu cầu khởi kiện đòi lại tài sản bằng giá trị của bà L1, bà L2, bà D1 là tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Buộc bà D2 trả lại bà L1, bà L2, bà D1 mỗi người số tiền  $27.591.000đ$  là giá trị của quyền sử dụng đất diện tích  $162,3m^2$ /người tại thửa đất 33 mà bà L1, bà L2, bà D1 được nhận. Do bà D2 đã thanh toán bằng giá trị đối với quyền sử dụng đất diện tích  $162,3m^2$ /người tại thửa đất 33 cho bà L1, bà L2, bà D1 nên bà D2 được quyền sử dụng, kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất nêu trên.

[4] Án phí: Buộc bà D2 nộp  $4.138.500đ$  án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả bà L1, bà L2, bà D1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Xét ý kiến về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long là có căn cứ để chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 92, 147, 186 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 163, 166 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

**1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ngọc L1, bà Nguyễn Mộng L2, bà Nguyễn Ngọc D1.**

Buộc bà Nguyễn Ngọc D2 trả bà Nguyễn Ngọc L1 số tiền 27.591.000đ (hai mươi bảy triệu năm trăm chín mươi một ngàn đồng).

Buộc bà Nguyễn Ngọc D2 trả bà Nguyễn Mộng L2 số tiền 27.591.000đ (hai mươi bảy triệu năm trăm chín mươi một ngàn đồng).

Buộc bà Nguyễn Ngọc D2 trả bà Nguyễn Ngọc D1 số tiền 27.591.000đ (hai mươi bảy triệu năm trăm chín mươi một ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Công nhận bà Nguyễn Ngọc D2 được quyền sử dụng, kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất diện tích 486,9m<sup>2</sup> (162,3m<sup>2</sup>/người x 3 người = 486,9m<sup>2</sup>) tại thửa đất 33, tờ bản đồ số 7, địa chỉ: khóm M, phường T, thành phố V.

(Theo Trích đo Bản đồ địa chính khu đất ngày 10/12/2019 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố V).

**2. Án phí:** Buộc bà Nguyễn Ngọc D2 nộp 4.138.500đ (bốn triệu một trăm ba mươi tám ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả bà Nguyễn Ngọc L1 số tiền tạm ứng án phí 690.000đ (sáu trăm chín mươi ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số No 0005868 ngày 19/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V.

Hoàn trả bà Nguyễn Mộng L2 số tiền tạm ứng án phí 690.000đ (sáu trăm chín mươi ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số No 0005870 ngày 19/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V.

Hoàn trả bà Nguyễn Ngọc D1 số tiền tạm ứng án phí 690.000đ (sáu trăm chín mươi ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số No 0005869 ngày 19/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- Tòa án tỉnh: 1;
- Viện kiểm sát: 1;
- Chi cục Thi hành án: 1;
- Đương sự: 4;
- Lưu: 5.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký)*

**Nguyễn Thị Thu Vân**